

Số: /QĐ-PC08

Nghệ An, ngày 7 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;

Xét đề nghị của đồng chí Đội trưởng Đội Sát hạch, cấp Giấy phép lái xe.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe ô tô cho tổng số: 415 thí sinh, hạng B, C1 (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày 10/7/2026 tại Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Miền Trung thuộc Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Miền Trung, địa chỉ: phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An (có mã QR kèm theo).

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Nguyễn Hàm Thắng, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Chủ tịch Hội đồng;

2. Đồng chí Thượng tá Phạm Văn Lực, Chức vụ: Đội trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng;

3. Ông: Cao Thanh Tĩnh, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Miền Trung, Ủy viên Hội đồng;

4. Đồng chí Đại úy Lê Cảnh Đức, Chức vụ: Cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Thư ký.

5. Các sát hạch viên (có danh sách kèm theo).

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập

biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại các Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đ/c Giám đốc
- Đ/c PGĐ Phụ trách
- Cục C08 BCA
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu: VT, PC08(Lưu).



TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Lê Thanh Nghị

DANH SÁCH SÁT HẠCH VIÊN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-PC08 ngày /7/2026 của Phòng CSGT)

TT	CẤP BẠC, HỌ TÊN	NHIỆM VỤ
1	Thượng tá Phạm Văn Lực	Sát hạch viên
2	Trung tá Bùi Thái Cường	Sát hạch viên
3	Trung tá Vũ Minh Phương	Sát hạch viên
4	Trung tá Nguyễn Quốc Phúc	Sát hạch viên
5	Trung tá Đặng Trọng Quang	Sát hạch viên
6	Trung tá Phạm Công Thành	Sát hạch viên
7	Trung tá Bùi Thanh Sơn	Sát hạch viên
8	Trung tá Lê Văn Hùng	Sát hạch viên
9	Thiếu tá Nguyễn Ngọc Tú	Sát hạch viên
10	Thiếu tá Hoàng Quốc Đạt	Sát hạch viên
11	Thiếu tá Nguyễn Việt Cường	Sát hạch viên
12	Thiếu tá Nguyễn Quốc Anh	Sát hạch viên
13	Đại úy Nguyễn Văn Phương	Sát hạch viên
14	Đại úy Nguyễn Tuấn Anh	Sát hạch viên
15	Thượng úy Trần Thiện Hoàng	Sát hạch viên

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
(Kèm theo Quyết định số: 1591/QĐ-PC08 ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Phòng Cảnh sát giao thông)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
1	NGUYỄN CÔNG AN	19/07/2004	*****17	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		3669
2	ĐẶNG QUANG TUẤN AN	30/07/2002	*****71	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x		
3	NGUYỄN PHAN QUỐC ANH	01/10/1998	*****04	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5118
4	TRẦN THỊ NGỌC ANH	12/06/1984	*****54	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4903
5	NGUYỄN THỂ ANH	22/04/1980	*****74	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		5271
6	TRẦN THỊ LAN ANH	16/12/2000	*****27	Xã Châu Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5183
7	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	08/04/2008	*****85	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		5217
8	ĐẶNG THỊ VÂN ANH	22/01/1995	*****71	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5218
9	LÊ BÁ ĐỨC ANH	17/05/2007	*****26	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		3323
10	NGÔ SỸ VIỆT ANH	23/10/2003	*****59	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3633
11	NGUYỄN HỮU TRUNG ANH	08/08/2005	*****42	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3417
12	NGUYỄN VĂN ANH	26/06/1986	*****05	Xã Vũ Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3562
13	NGÔ TUẤN ANH	06/10/1994	*****51	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		3717
14	HOÀNG VĂN ANH	11/09/1996	*****13	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3670
15	MAI THỊ HOA ÁNH	02/11/1990	*****34	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4405

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
16	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	20/10/1999	*****04	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5184
17	LÊ THU ÁNH	15/07/2003	*****25	Xã Gia Hanh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		5219
18	LÊ THỊ ÁNH	16/06/1989	*****75	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		2948
19	ĐẶNG NGỌC BẠCH	20/04/1992	*****87	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3671
20	LÊ VĂN BAN	12/04/1984	*****27	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x		3401
21	LÊ ĐỨC BẢO	22/06/2006	*****24	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3546
22	PHẠM GIA BẢO	08/03/2008	*****05	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	3594
23	PHAN VĂN BẮC	02/07/1985	*****53	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	4780
24	NGUYỄN THỊ BÍCH	07/07/1988	*****53	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		5185
25	LÊ XUÂN BÌNH	25/06/2007	*****55	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		3659
26	NGUYỄN VĂN BÌNH	05/08/1989	*****30	Phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	x		4807
27	THÁI GIA BÌNH	24/04/2007	*****54	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		3205
28	TRẦN VĂN BÌNH	10/10/1957	*****38	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		5053
29	PHẠM VĂN CẢNH	20/04/1988	*****82	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	2816
30	NGUYỄN TÚ CƠ	10/10/1964	*****10	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		5152
31	NGUYỄN THỊ CÚC	10/03/1997	*****80	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5098
32	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	07/07/2001	*****79	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x		3570

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
33	ĐẶNG HỒNG CƯỜNG	05/10/1976	*****31	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		3597
34	LÊ VĂN CƯỜNG	10/08/1991	*****95	Xã Anh Sơn Đông, Tỉnh Nghệ An	x		3657
35	PHAN VĂN CƯỜNG	10/02/1993	*****67	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3658
36	HOÀNG NGỌC CƯỜNG	30/05/1985	*****33	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3673
37	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	10/12/2007	*****98	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5095
38	TRẦN NGUYỄN TÙNG CHI	25/09/2007	*****08	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		5283
39	DOÃN THỊ LINH CHI	18/09/1999	*****37	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		5151
40	NGUYỄN VĂN CHIẾN	01/05/2000	*****84	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3569
41	LỤC VĂN CHUYỀN	02/05/2003	*****17	Xã Thắng Lộc, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	3672
42	NGUYỄN THỊ DANG	13/04/1983	*****70	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		5272
43	VÕ LÂM DÂN	16/07/1997	*****32	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3711
44	TRẦN MẠNH DÂN	06/11/1989	*****29	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3080
45	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	17/03/1993	*****29	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		4871
46	TRẦN THỊ KIM DUNG	24/04/1992	*****82	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		5002
47	PHAN VIỆT DŨNG	16/02/1992	*****71	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5156
48	ĐINH TIỀN DŨNG	14/11/2005	*****12	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		1001
49	NGUYỄN TUẤN DŨNG	28/01/2003	*****14	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3600

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
50	TRƯƠNG TIẾN DŨNG	14/10/1981	*****89	Xã Cổ Đàm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3171
51	NGUYỄN CÔNG DŨNG	19/10/1982	*****43	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		3420
52	CAO XUÂN DŨNG	30/10/2001	*****90	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3675
53	LÊ DOÃN DŨNG	15/03/1988	*****76	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		3648
54	LÊ TUẤN DUY	26/06/2006	*****64	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		3541
55	LÊ TIẾN DUY	05/06/2007	*****43	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	3676
56	ĐẶNG THỊ DUYÊN	21/03/1987	*****32	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		5257
57	PHAN ĐĂNG DƯƠNG	16/02/1995	*****44	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	2356
58	LƯƠNG VĂN ĐẠI	10/10/1974	*****54	Xã Yên Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		5284
59	NGUYỄN ĐỨC ĐÀN	05/12/2003	*****89	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		2839
60	NGUYỄN HỮU ĐANG	25/01/1985	*****33	Xã Cổ Đàm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3092
61	CAO THỊ ĐÀO	05/10/1993	*****57	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	4869
62	PHẠM THỊ ĐÀO	02/08/1983	*****37	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5220
63	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	11/11/2002	*****74	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5153
64	BÙI LÊ TIẾN ĐẠT	15/12/2006	*****39	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		3319
65	HÀ QUANG ĐẠT	26/01/2006	*****63	Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An	x	A.03	2363
66	PHAN QUANG ĐẠT	19/08/1994	*****98	Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	3699

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
67	HOÀNG THÀNH ĐẠT	02/11/2002	*****01	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		3718
68	NGUYỄN CẢNH ĐẠT	18/07/2003	*****18	Phường Tam Phước, Tỉnh Đồng Nai	x		3719
69	PHAN HỮU ĐĂNG	13/07/1997	*****98	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3629
70	PHAN VĂN ĐỊNH	01/09/1986	*****58	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	3543
71	THÁI HỮU ĐỊNH	01/07/2003	*****14	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3598
72	NGÔ THỊ MỸ ĐOAN	05/11/1989	*****53	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5154
73	LÊ THỊ ĐÔNG	20/08/1975	*****85	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5138
74	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	06/02/1985	*****23	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		5155
75	VÕ HUY ĐỒNG	05/11/1994	*****22	Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị	x	A1	3701
76	LÊ MINH ĐỨC	08/07/1994	*****57	Xã Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	x		725
77	NGUYỄN VĂN ĐỨC	01/09/1987	*****62	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5221
78	LÊ NGUYỄN VIỆT ĐỨC	27/12/2003	*****92	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3119
79	NGUYỄN VĂN ĐỨC	13/03/2001	*****16	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3627
80	PHAN PHÚC ĐỨC	02/02/1998	*****93	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		3674
81	NGUYỄN ĐÌNH ĐƯỜNG	08/12/1980	*****33	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		5127
82	NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	10/06/2005	*****62	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A.03	4069
83	ĐOÀN THỊ MINH GIANG	16/05/1999	*****07	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4420

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
84	NGUYỄN MAI HÀ GIANG	24/12/2007	*****19	Phường Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa	x		5274
85	TRẦN THỊ TRÀ GIANG	07/03/1997	*****06	Xã Châu Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5186
86	NGÔ THỊ HỒNG GIANG	06/02/2003	*****21	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5222
87	NGUYỄN ĐÔNG GIANG	14/09/2005	*****09	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		1163
88	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	26/09/2005	*****08	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		425
89	PHAN THỊ HÀ	19/10/1996	*****83	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		2274
90	ĐÀM THỊ NGÂN HÀ	19/01/2005	*****99	Xã Thông Thụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5038
91	HOÀNG THỊ HÀ	21/12/2002	*****72	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		5099
92	NGUYỄN THỊ HÀ	05/04/1992	*****48	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		5277
93	TRẦN THỊ HÀ	12/09/1996	*****46	Xã Thiên Nhẫn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5157
94	LÊ THỊ THU HÀ	07/08/1993	*****09	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5223
95	NGUYỄN THỊ HÀ	22/10/1992	*****96	Xã Thiên Nhẫn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5224
96	TRẦN VĂN HÀ	28/05/1986	*****57	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		3574
97	NGUYỄN THẾ HÀ	15/08/1984	*****37	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3677
98	PHAN THỊ HẢI	17/07/1993	*****14	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		4660
99	PHẠM ĐỨC HẢI	22/02/2001	*****79	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5083
100	KHA THỊ HẢI	01/11/1983	*****38	Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An	x		5187

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
101	NGUYỄN NGỌC HẢI	10/11/1993	*****75	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		2935
102	NGUYỄN ĐĂNG HẢI	26/10/2006	*****13	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		3649
103	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	03/02/1998	*****02	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3659
104	NGUYỄN VĂN HẠNH	10/05/1988	*****62	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		3678
105	HOÀNG THỊ HẰNG	15/06/1982	*****28	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		2535
106	PHAN THỊ HẰNG	28/08/1990	*****88	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		5104
107	HOÀNG THỊ HẰNG	28/02/1992	*****27	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5119
108	LÊ THỊ THÚY HẰNG	12/08/1975	*****95	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5057
109	BÙI THỊ THÚY HẰNG	17/08/1988	*****55	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		5158
110	NGUYỄN THỊ HẰNG	10/01/1998	*****28	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5189
111	NGUYỄN THỊ HẰNG	27/10/1989	*****35	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5188
112	NGUYỄN THỊ LIÊN HẰNG	06/04/2002	*****35	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5190
113	LƯƠNG THỊ LỆ HẰNG	16/05/1995	*****03	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		960
114	NGUYỄN THỊ HẰNG	16/08/1988	*****2	Xã Chương Dương, Thành Phố Hà Nội	x	A1	3408
115	NGUYỄN THỊ HẬU	21/10/2006	*****61	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		5267
116	NGUYỄN THỊ HIỀN	20/02/1994	*****53	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	1613
117	PHẠM THỊ THU HIỀN	02/08/2002	*****68	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4875

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
118	PHẠM THỊ THU HIỀN	10/04/1991	*****15	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4914
119	ĐẬU THỊ HIỀN	12/07/1992	*****58	Xã Đồng Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5159
120	NGUYỄN THỊ HIỀN	25/02/1979	*****77	Xã Kim Hoa, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5192
121	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	26/10/2002	*****84	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5193
122	LÊ THỊ HIỀN	18/10/2000	*****61	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5225
123	LÊ THỊ HIỀN	16/08/1984	*****87	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		5085
124	NGUYỄN VĂN HIỀN	27/08/1998	*****53	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3705
125	NGUYỄN VĂN HIỀNG	15/09/1984	*****19	Xã Sơn Kim 1, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3086
126	NGUYỄN THỊ HIỆP	19/10/2001	*****80	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5059
127	LÔ THỊ HIỆP	04/05/1988	*****04	Xã Keng Đu, Tỉnh Nghệ An	x		3697
128	LÊ ĐỨC HIẾU	21/07/1990	*****21	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	3243
129	NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	28/10/2007	*****82	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		3560
130	NGUYỄN THỊ HOA	28/04/1989	*****46	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x		4167
131	BÙI THỊ HOA	25/07/1997	*****61	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5194
132	NGUYỄN ĐÌNH VINH HÒA	10/12/2005	*****28	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		3604
133	BÙI HỮU HÒA	14/04/2001	*****53	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3715
134	NGUYỄN VĂN HÒA	22/07/2003	*****60	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3679

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
135	NGUYỄN THỊ HOÀI	23/02/1984	*****49	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		4525
136	NGUYỄN THỊ HOÀI	28/06/1991	*****48	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5160
137	NGUYỄN THỊ HOÀI	08/07/1993	*****78	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		2770
138	PHẠM THỊ THU HOÀI	12/09/2002	*****82	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5226
139	NGUYỄN VĂN HOÀI	24/04/1986	*****46	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		1809
140	NGUYỄN THỊ HOÀI	16/04/1985	*****48	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3631
141	NGUYỄN NHẬT HOÀNG	22/07/2004	*****36	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5101
142	NGUYỄN VĂN HOÀNG	04/01/2001	*****30	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3577
143	HỒ VĨNH HOÀNG	05/04/1986	*****19	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3173
144	LÔ THỊ HOONG	16/12/1981	*****69	Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An	x		4692
145	LÊ THỊ HỒNG	06/08/1993	*****32	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5161
146	LÊ THỊ HỒNG	28/07/2002	*****45	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5162
147	ĐOÀN THỊ HỒNG	19/08/1990	*****39	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x		3660
148	TRẦN VĂN HÙNG	24/04/1977	*****43	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		4737
149	TRẦN KIM HÙNG	21/09/1969	*****94	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3379
150	VÕ HỮU HÙNG	06/05/2008	*****12	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		3564
151	HOÀNG NGỌC HÙNG	21/02/1986	*****11	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		3680

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
152	VÕ NGUYỄN HUY	28/01/2008	*****74	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		5262
153	ĐINH LÊ QUANG HUY	22/01/2008	*****75	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5227
154	NGUYỄN ĐÌNH HUY	20/10/2004	*****71	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3579
155	NGUYỄN VĂN HUY	09/03/1983	*****07	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3519
156	QUANG NHẬT HUY	04/12/2006	*****02	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x		3650
157	TRẦN NGỌC QUANG HUY	05/04/2005	*****44	Phường Thành Vinh, Nghệ An	x		
158	PHẠM MINH HUYỀN	13/11/2006	*****91	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4942
159	HOÀNG THỊ THANH HUYỀN	17/07/1997	*****46	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5275
160	NGUYỄN THỊ HUYỀN	07/06/1991	*****28	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		5276
161	LÊ THỊ HUYỀN	26/03/1996	*****80	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5163
162	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	15/07/2007	*****48	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	5228
163	QUANG VĂN HUYỀN	13/03/1983	*****44	Xã Yên Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3662
164	LÊ VĂN HUỖNH	06/12/1991	*****90	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		3712
165	HỒ SỸ HÙNG	21/03/2000	*****04	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4975
166	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	18/01/1993	*****68	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		5195
167	TRẦN THỊ HƯƠNG	25/10/1978	*****59	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3661
168	NGUYỄN HỮU KIÊN	23/05/2003	*****27	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5120

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
169	HỒ DIỄN KIÊN	09/09/1998	*****22	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3681
170	NGÔ NGỌC KHÁNH	07/02/2006	*****98	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		1798
171	TRẦN ĐỨC KHÁNH	23/11/1999	*****84	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5164
172	ĐỒNG QUỐC KHÁNH	27/09/1992	*****41	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		2788
173	ĐẶNG TRẦN NAM KHÁNH	30/10/2004	*****11	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		2621
174	NGUYỄN CHU KHÁNH	02/09/2007	*****71	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		5092
175	NGUYỄN GIA KHIÊM	23/12/2006	*****58	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	3606
176	ĐẶNG BÁ KHOA	10/01/1958	*****16	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		5229
177	NGUYỄN VĂN KHƯƠNG	22/06/1990	*****22	Xã Văn Kiêu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3706
178	LÊ THỊ LAM	20/05/1997	*****93	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x	A1	1500
179	NGUYỄN VIỆT LÂM	28/09/1998	*****43	Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		2914
180	NGUYỄN THỊ LAN	06/05/2002	*****91	Xã Xuân Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5035
181	TRẦN THỊ LAN	22/01/1998	*****37	Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4918
182	LƯU THỊ LÊ	12/03/1989	*****79	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5128
183	NGUYỄN QUANG LÊ	19/09/2006	*****45	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3682
184	BÙI THỊ LỆ	10/04/1987	*****90	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x		2221
185	HOÀNG THỊ LIÊN	07/11/1991	*****61	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5230

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
186	NGUYỄN THỊ LIÊN	03/07/1997	*****82	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		3472
187	PHAN THỊ DIỆU LINH	21/08/2000	*****15	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	1794
188	ĐÀO PHAN KHÁNH LINH	09/11/2004	*****58	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		4880
189	VI VĂN LINH	18/09/1985	*****86	Xã Hùng Chân, Tỉnh Nghệ An	x		4881
190	LÊ HOÀNG DIỆU LINH	20/01/1999	*****25	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4980
191	LA VĂN LINH	23/09/1999	*****71	Xã Mậu Thạch, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5143
192	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	01/06/2003	*****33	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5285
193	HOÀNG THỊ TÚ LINH	04/12/1998	*****56	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5165
194	PHÙNG THỊ THÙY LINH	22/04/2001	*****47	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5196
195	DƯƠNG THỊ KHÁNH LINH	06/03/2004	*****38	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		2377
196	CHU ĐÌNH LINH	15/11/2000	*****06	Xã Quang Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		3713
197	NGUYỄN THỊ HỒNG LOAN	21/06/1994	*****11	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5064
198	DƯƠNG THỊ LOAN	28/01/1995	*****15	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5166
199	PHẠM THỊ HỒNG LOAN	27/09/1978	*****05	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5197
200	CAO THỊ LONG	04/11/1989	*****51	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x		5232
201	LÊ NGỌC LONG	07/09/1974	*****89	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		3383
202	CHU QUANG LONG	29/09/2007	*****57	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3663

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
203	NGUYỄN ĐỨC LONG	19/10/1985	*****08	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		3476
204	LÔ VĂN LUẬN	19/02/2001	*****21	Xã Mậu Thạch, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3425
205	BÙI VĂN LỤC	10/11/1990	*****22	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		3008
206	NGUYỄN HỮU LUYỆN	11/10/2006	*****67	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		2916
207	KHA VIỆT LỤC	04/07/2004	*****55	Xã Cam Phục, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3683
208	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	06/11/2000	*****23	Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5066
209	LÊ DUY LƯƠNG	21/12/2007	*****66	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		3720
210	CAO THỊ CẨM LY	26/09/2003	*****05	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x		4983
211	NGÔ THỊ KHÁNH LY	22/07/1990	*****30	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5167
212	NGUYỄN THỊ HOA LÝ	10/05/1984	*****97	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x		1261
213	ĐẬU THỊ LÝ	05/05/1996	*****64	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		5198
214	HOÀNG VĂN LÝ	10/10/1981	*****75	Xã Cổ Đàm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3177
215	VÕ THỊ THANH MAI	13/01/2008	*****74	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1m	5233
216	TỪ KHẮC MẠNH	18/04/1987	*****00	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		4708
217	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	29/08/2003	*****94	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5262
218	VÕ HÙNG MẠNH	10/10/2006	*****28	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		5199
219	NGUYỄN VĂN MẠNH	02/01/2008	*****65	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		3385

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
220	NGÔ SỸ MẠNH	25/05/2003	*****75	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3580
221	VŨ THỊ MIỄN	01/12/1993	*****40	Xã Đông Tiền Hải, Tỉnh Hưng Yên	x	A1	5200
222	LÊ THỊ HỒNG MINH	25/03/2004	*****30	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5037
223	TRẦN THỌ MINH	20/05/1983	*****23	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5129
224	LÊ BẢO MINH	23/04/2007	*****44	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	5068
225	ĐẶNG VĂN MINH	20/01/1966	*****43	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3610
226	BÙI THỊ HỒNG MƠ	25/05/1990	*****46	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		5012
227	THÁI THỊ MƠ	04/02/1991	*****77	Xã Cổ Đàm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5234
228	NGUYỄN THỊ DIỄM MY	25/11/1998	*****50	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5235
229	VÔ THỊ TRÀ MY	02/10/2006	*****69	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5236
230	ĐỖ HOÀNG NAM	28/08/1995	*****75	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A.03	4774
231	NGUYỄN VĂN NAM	05/01/2003	*****70	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3611
232	NGUYỄN CÔNG NAM	14/10/2004	*****13	Xã Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	2943
233	PHAN NGỌC NAM	26/03/1994	*****74	Xã Cổ Đàm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3642
234	PHAN HỮU NAM	20/11/2000	*****11	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		3427
235	HOÀNG VĂN NAM	12/04/1994	*****96	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		3684
236	NGÔ TRÍ NAM	06/06/1999	*****70	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		3685

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
237	NGUYỄN THỊ NỤ	11/05/1992	*****41	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		3700
238	NGUYỄN THỊ NGÀ	16/10/1973	*****89	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		4639
239	NGUYỄN ANH NGÀ	19/05/1983	*****70	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5086
240	NGUYỄN THỊ NGÀ	01/07/1985	*****45	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		1896
241	LƯƠNG VĂN NGÀ	16/04/1988	*****12	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3581
242	BÙI THỊ KIM NGÂN	20/10/1993	*****42	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		4310
243	THÁI HOÀNG NGÂN	02/12/2007	*****82	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		5266
244	NGUYỄN HỮU NGHỊ	10/10/1986	*****81	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		41712
245	TRẦN VĂN NGHĨA	16/01/2001	*****45	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		837
246	NGUYỄN CÔNG NGHĨA	05/01/1994	*****37	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		3686
247	HÀ DANH NGỌ	20/12/1982	*****76	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		3496
248	NGUYỄN THỌ NGỌ	01/02/2002	*****95	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		3687
249	HÀ NGUYỄN BÍCH NGỌC	03/06/2007	*****63	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5041
250	NGUYỄN HỮU NGỌC	22/12/1990	*****25	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4842
251	TRẦN THỊ THẢO NGỌC	16/02/2001	*****63	Xã Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5168
252	NGUYỄN BÁ BẢO NGỌC	27/02/2008	*****71	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		5201
253	NGUYỄN ĐÌNH NGỌC	16/08/1974	*****34	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5237

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
254	NGUYỄN VĂN NGỌC	16/02/1996	*****34	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3537
255	ĐÀO THỊ THẢO NGUYỄN	12/11/2005	*****41	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3778
256	NGUYỄN ĐÌNH NGUYỄN	16/12/1996	*****19	Xã Đức Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	3652
257	LÊ THANH NGUYỄN	19/09/1997	*****38	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3688
258	NGUYỄN CÔNG NGUYỄN	14/02/1998	*****03	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		3689
259	TRỊNH THỊ MINH NGUYỆT	13/05/1999	*****35	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		4456
260	HÀ THỊ NGUYỆT	14/06/1986	*****53	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5202
261	PHẠM HUY NHẬT	30/10/1998	*****08	Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	3721
262	TRƯƠNG THỊ HÀ NHI	26/08/2003	*****18	Xã Thạch Khê, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5238
263	LÊ HỒNG NHUNG	28/10/2001	*****83	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5286
264	VƯƠNG THỊ CẨM NHUNG	25/09/1999	*****74	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5169
265	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	30/07/2006	*****61	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5203
266	PHẠM THỊ KIỀU OANH	01/04/1988	*****36	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x		5204
267	LÊ ĐÌNH PHAN	05/10/2004	*****41	Xã Tiên Phong, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3690
268	NGUYỄN NHƯ PHÁP	05/09/2005	*****53	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5170
269	HỒ ĐÌNH PHONG	16/05/2001	*****75	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5072
270	VÕ TRỌNG PHÚ	07/01/1974	*****36	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		4948

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
271	TRẦN VĂN PHÚ	09/08/1982	*****01	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3636
272	HOÀNG MINH PHÚC	22/05/2004	*****64	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5171
273	NGUYỄN VĂN PHÚC	12/01/1995	*****01	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		5172
274	TRẦN THỊ PHƯƠNG	20/07/1992	*****11	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5146
275	LÔ THỊ HÀ PHƯƠNG	06/04/1989	*****50	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5205
276	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	05/05/1998	*****72	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3612
277	LA VĂN PHƯƠNG	01/12/1987	*****26	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x		3235
278	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	20/08/1976	*****99	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		3561
279	VŨ THỊ PHƯƠNG	13/08/2001	*****72	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4988
280	NGUYỄN THỂ QUANG	01/01/2008	*****63	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		3702
281	NGUYỄN VĂN QUANG	11/01/2000	*****60	Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3703
282	NGUYỄN NGỌC QUANG	12/11/2007	*****90	Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An	x		3084
283	TRẦN VINH QUANG	15/02/2005	*****88	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3428
284	THÂN MẠNH QUÂN	17/08/2006	*****40	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4074
285	NGUYỄN MINH QUÂN	09/08/2001	*****82	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3664
286	TRƯƠNG VĂN QUÊ	19/03/1974	*****37	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	2789
287	NGUYỄN DUY QUỐC	12/02/2008	*****75	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		5121

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
288	NGUYỄN ANH QUỐC	29/12/2003	*****67	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		2643
289	PHẠM THỊ LỆ QUYÊN	07/09/2005	*****24	Xã Thiên Nhẫn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	2415
290	ĐẶNG QUỐC QUYỀN	12/05/1976	*****25	Xã Vũ Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	x		81
291	LÊ VĂN QUYỀN	26/08/1998	*****27	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	2805
292	NGUYỄN ĐỨC QUỲNH	23/08/1993	*****98	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		5261
293	NGUYỄN LÊ QUỲNH	04/11/1983	*****84	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5206
294	LỮ VĂN QUỲNH	10/11/1991	*****44	Xã Thiên Nhẫn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5239
295	NGUYỄN THỊ QUỲNH	09/09/2000	*****81	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5240
296	NGUYỄN THỊ QUỲNH	03/04/1990	*****54	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x		1700
297	LÊ THỊ QUỲNH	04/08/1989	*****01	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3614
298	NGUYỄN ĐÌNH SAN	20/10/1982	*****23	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		5241
299	NGUYỄN TRỌNG SÁNG	06/06/1986	*****91	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		3391
300	LÊ ĐÌNH SÁNG	20/04/1969	*****49	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		3550
301	CAO THỊ BÍCH SEN	20/10/1982	*****72	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5173
302	HOÀNG VĂN SỸ	08/05/1989	*****89	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3317
303	HOÀNG BẢO TÀI	22/05/2004	*****13	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x	Am	3181
304	NGUYỄN HỮU TẶNG	05/08/1994	*****22	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3691

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
305	NGUYỄN ĐĂNG TÂM	18/07/1997	*****56	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	3704
306	LÊ THỊ TÂM	10/10/1986	*****54	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x		3665
307	TRẦN THỊ MỸ TÂM	10/07/2004	*****45	Phường Sông Trí, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	4732
308	TRƯƠNG THỦY TIÊN	23/10/2007	*****12	Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh	x		5213
309	NGUYỄN MINH TIẾN	26/03/2005	*****70	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		2438
310	ĐOÀN QUYẾT TIẾN	01/01/2006	*****24	Xã Đức Đồng, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3462
311	VƯƠNG KIM TIẾN	27/10/1993	*****39	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3470
312	HOÀNG ĐÌNH TIẾN	22/10/2003	*****38	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3694
313	BÙI VĂN TÍN	06/02/1987	*****00	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		3695
314	PHAN THỊ TÌNH	17/08/1990	*****74	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		4851
315	NGUYỄN HỮU TÌNH	21/10/1963	*****48	Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		5020
316	LÊ THỊ TÌNH	18/05/1991	*****33	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5247
317	NGUYỄN VĂN TOÀN	20/02/1984	*****48	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5248
318	VÔ CÔNG TOÀN	10/05/1991	*****93	Xã Đồng Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	3644
319	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	24/03/2005	*****66	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5179
320	LÊ VĂN TÚ	02/02/1983	*****57	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5252
321	NGÔ TRÍ TÚ	21/10/1985	*****78	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3586

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
322	VÕ KHẮC TÚ	29/03/2008	*****71	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		3668
323	NGUYỄN VĂN TÚ	13/09/2003	*****81	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		3716
324	TRẦN LÊ QUANG TUẤN	17/10/2005	*****72	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	3100
325	LÊ ANH TUẤN	09/07/2006	*****32	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		4392
326	ĐẬU QUANG TUẤN	10/12/1980	*****04	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		5216
327	NGUYỄN THỊ TUẤN	06/10/1986	*****16	Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh	x		5253
328	LÔ VĂN TUẤN	06/06/1971	*****46	Xã Hùng Chân, Tỉnh Nghệ An	x		2764
329	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	31/03/2004	*****83	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3588
330	VÕ MINH TUẤN	10/10/1998	*****42	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3707
331	HOÀNG CÔNG TUẤN	08/03/1999	*****61	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3618
332	NGUYỄN LÂM TÙNG	20/02/1999	*****70	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		5028
333	PHAN VĂN TÙNG	01/02/1990	*****34	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3619
334	VĂN THỊ TUYẾT	25/05/1976	*****69	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3592
335	NGUYỄN THỊ TUYẾT	05/05/1984	*****19	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		2693
336	NGUYỄN VIỆT THÁI	15/04/2004	*****99	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3207
337	ĐẬU QUANG THÁI	29/07/1982	*****45	Xã Xuân Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3708
338	BÙI ĐỨC THÁI	10/02/2001	*****86	Xã Mậu Thạch, Tỉnh Nghệ An	x		3616

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
339	QUANG VĂN THÁM	23/10/1990	*****81	Xã Yên Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3666
340	NGUYỄN VĂN THANH	13/06/1989	*****61	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		2854
341	TRẦN THỊ THÀNH	15/08/2002	*****50	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5269
342	HOÀNG XUÂN THÀNH	15/10/2003	*****55	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5208
343	LÊ VĂN THÀNH	04/10/1980	*****84	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5242
344	VÕ VĂN THÀNH	04/01/1981	*****33	Xã Nam Đồng, Tỉnh Ninh Bình	x	A1	3714
345	ĐOÀN VĂN THÀNH	02/10/1984	*****55	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3366
346	LÊ THỊ THẢO	19/10/1994	*****87	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4802
347	TRƯỜNG THỊ THẢO	02/05/1997	*****79	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		5175
348	VĂN THỊ THẢO	05/01/1990	*****56	Xã Kim Hoa, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5209
349	NGUYỄN THỊ THẢO	14/08/1990	*****83	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		5243
350	PHẠM THỊ THẢO	18/05/2000	*****32	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		3347
351	BÙI THỊ THẢO	12/03/2003	*****39	Xã Tiên Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3709
352	LÊ THỊ THẨM	24/08/1993	*****96	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		5174
353	CAO THỊ THẨM	24/11/1993	*****36	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5207
354	UÔNG ĐÌNH THẮNG	12/09/1999	*****55	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5268
355	NGUYỄN TẮT THẮNG	06/12/2003	*****83	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	1239

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
356	NGUYỄN CẢNH THẮNG	20/04/1983	*****29	Xã Anh Sơn Đông, Tỉnh Nghệ An	x		2373
357	HOÀNG NGHĨA THẮNG	22/08/1987	*****33	Xã Thiên Nhẫn, Tỉnh Nghệ An	x		3667
358	NGUYỄN VĨNH THẮNG	26/08/1982	*****09	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		3198
359	ĐOÀN VĂN THÂN	16/09/1989	*****32	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3432
360	HỒ ĐÌNH THIẾT	27/03/2002	*****15	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		2237
361	TRẦN XUÂN THỊNH	16/11/1972	*****67	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x		5273
362	LƯƠNG THẾ THỊNH	28/12/2006	*****47	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		2917
363	VĂN ĐÌNH THỌ	20/06/1987	*****28	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5270
364	TRẦN THỊ HOÀI THƠM	26/05/2004	*****07	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4526
365	NGÔ THỊ HỒNG THƠM	10/01/1998	*****70	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	5176
366	NGUYỄN VĂN THUẦN	12/04/2001	*****5	Xã Tây Phương, Thành Phố Hà Nội	x		5147
367	LƯƠNG THỊ THUẬN	18/01/2000	*****14	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		5244
368	PHAN ĐỨC THUẬN	16/07/1979	*****26	Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai	x		3199
369	NGUYỄN THỊ THÙY	14/01/1994	*****26	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5211
370	NGUYỄN THỊ THỦY	19/08/1993	*****86	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		4129
371	ĐẬU THỊ PHƯƠNG THỦY	03/10/1982	*****49	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x		4850
372	LA THỊ THỦY	14/07/1986	*****29	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5212

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
373	NGUYỄN THỊ THỦY	05/08/1990	*****88	Xã Cỏ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5246
374	NGUYỄN THỊ THỦY	21/11/1994	*****27	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5245
375	ĐẬU THỊ THÚY	23/10/1995	*****10	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5279
376	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	10/08/1996	*****35	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5177
377	VŨ THỊ THÚY	15/06/1993	*****57	Xã Hải Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3414
378	VÕ NGUYỄN HUYỀN THU'	30/01/2007	*****13	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		3651
379	THÁI THANH THU'	12/07/2007	*****92	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	5132
380	LÊ ANH THU'	21/09/2006	*****50	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		5131
381	ĐẶNG THỊ THU'	08/02/1989	*****97	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3397
382	VŨ THỊ ANH THU'	28/09/2007	*****82	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5260
383	LÔ THỊ THƯƠNG	19/06/1993	*****14	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		5210
384	NGUYỄN VĂN THƯỜNG	14/05/1994	*****20	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3692
385	NGÂN VĂN THƯỢNG	05/06/2003	*****70	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		3693
386	NGUYỄN THỊ TRANG	14/05/2001	*****84	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4994
387	BÙI THỊ HÀ TRANG	27/10/1998	*****90	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5088
388	HÀ THỊ THU TRANG	23/06/2006	*****13	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x		5214
389	PHAN THỊ TRANG	24/12/1988	*****45	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		5215

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
390	ĐẬU THỊ QUỲNH TRANG	30/05/1994	*****23	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5249
391	NGHIÊM THUY TRANG	09/02/2008	*****04	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		5250
392	ĐẬU THỊ TRANG	18/04/2001	*****74	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3439
393	LÔ VĂN TRANG	23/08/1990	*****93	Xã Mậu Thạch, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3434
394	LÊ ĐÌNH TRANG	19/11/1988	*****46	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x		3696
395	NGUYỄN THỊ TRÂM	19/07/1979	*****11	Xã Thành Bình Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		5178
396	VI THỊ THẢO TRINH	04/07/1993	*****96	Xã Môn Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3774
397	PHẠM THỊ KIỀU TRINH	21/04/2002	*****55	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5251
398	TRẦN MINH TRUNG	13/05/2007	*****50	Xã Thiên Nhẫn, Tỉnh Nghệ An	x		3698
399	TRẦN VĂN TRUNG	23/05/1987	*****84	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x		2968
400	PHAN KIÊN TRUNG	20/12/2005	*****63	Phường Thành Vinh, Nghệ An	x		
401	NGUYỄN CHÍ TRƯỜNG	02/03/1992	*****99	Xã Tùng Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	x		2200
402	ĐẬU XUÂN TRƯỜNG	09/08/1991	*****75	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3553
403	TRẦN TỔ UYÊN	12/07/2004	*****95	Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5180
404	NGUYỄN CÔNG VĂN	02/09/1978	*****56	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		3710
405	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	29/01/1976	*****70	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		2373
406	TRẦN THỊ VINH	26/07/1990	*****37	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4805

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
407	NGUYỄN THÀNH VINH	08/01/1983	*****32	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		5254
408	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	01/07/1991	*****46	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		3533
409	NGUYỄN HÀ VY	27/03/2006	*****26	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x		3154
410	TRƯƠNG NGỌC VY	20/01/2004	*****34	Xã Phú Thiện, Tỉnh Gia Lai	x	A1	5181
411	LÊ THỊ XINH	20/12/1996	*****30	Xã Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	4518
412	TRẦN THỊ YẾN	20/12/1996	*****58	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4059
413	MAI THỊ YẾN	06/04/1970	*****54	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		2440
414	LÂM HẢI YẾN	25/09/2005	*****81	Phường Bắc Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5023
415	TRẦN THỊ YẾN	03/02/2000	*****57	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		5182